



**Phụ lục số XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng**  
**Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)  
 (Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 guiding operations and management of securities investment funds)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh  
 To: State Securities Commission  
 Hochiminh Stock Exchange

|   |  |   |
|---|--|---|
| 1 | <b>Tên Công ty quản lý quỹ:</b><br><i>Fund Management Company:</i> | <b>Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI</b><br><i>SSI Asset Management Company Limited</i>                              |
| 2 | <b>Tên Ngân hàng giám sát:</b><br><i>Supervising bank:</i>         | <b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</b><br><i>Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam</i> |
| 3 | <b>Tên Quỹ ETF:</b><br><i>Fund name:</i>                           | <b>QUỸ ETF SSIAM VN30</b><br><i>SSIAM VN30 ETF</i>  |
| 4 | <b>Mã chứng khoán</b><br><i>Securities Symbol:</i>                 | <b>FUESSV30</b><br><i>FUESSV30</i>  |
| 5 | <b>Kỳ báo cáo</b><br><i>Reporting Period</i>                       | <b>02/04/2023</b><br><i>02 Apr 2023</i>   |
| 6 | <b>Ngày lập báo cáo</b><br><i>Reporting date</i>                   | <b>03/04/2023</b><br><i>03 Apr 2023</i>   |

**I. Đối với Quỹ định giá hàng ngày / For Fund with daily valuations**

*Đơn vị tính/Unit: VND*

| STT NO   | CHI TIÊU<br>Criteria  | KỶ NÀY<br>THIS PERIOD<br>02/04/2023 | KỶ TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>31/03/2023 |
|----------|---|-------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Giá trị tài sản ròng / Net asset value</b>                   |                                     |                                       |
| 1.1      | <i>Của quỹ ETF/Per Fund</i>                                     | 88.548.663.063                      | 88.556.020.875                        |
| 1.2      | <i>Của một lô chứng chỉ quỹ ETF/Per lot of Fund Certificate</i> | 1.321.621.836                       | 1.321.731.654                         |
| 1.3      | <i>Của một chứng chỉ quỹ/Per Fund Certificate</i>               | 13.216,21                           | 13.217,31                             |

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát  
 Authorised Representative of Supervisory Bank



Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ  
 Authorised Representative of Fund Management Company



**Tô Thùy Linh**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**